TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-PT
Ngày: 21/02/2023
V/v tranh chấp về hợp đồng hợp tác.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn văn Hiệp.

Ông Lê Văn Duy.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng hợp tác.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 316/2022/DS-ST ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ni N; cư trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Nguyễn B và Bà Phạm Thị L.

Cùng cư trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh BĐ; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ni N trình bày:

Vào năm 2020, ông có bỏ phần bạn (từ địa phương của ngư dân) với vợ chồng ông B, bà L để hưởng lợi trên mỗi chuyến đánh bắt thủy sản trên 02 chiếc tàu cá số đăng ký BĐ-98055-TS với số tiền 240.000.000 đồng và BĐ 96107 TS với số tiền 45.000.000 đồng. Tổng số tiền bỏ phần bạn là 285.000.000 đồng. Hai bên có viết Giấy mượn phần để làm bằng chứng. Sau đó, khoảng một năm hết

hạn hợp đồng, ông yêu cầu kết thúc hợp đồng và yêu cầu trả lại số tiền đã bỏ ra, nhưng vợ chồng ông B không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án hủy thỏa thuận góp vốn đã lập ngày 29/11/2020 giữa ông với vợ chồng ông B và buộc vợ chồng ông B trả lại số tiền 285.000.000 đồng. Ông không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà thừa nhận Giấy mượn phần mà ông N cung cấp để hưởng lợi trên mỗi chuyến đánh bắt thủy sản trên 02 chiếc tàu cá số đăng ký BĐ-98055-TS với số tiền 240.000.000 đồng và BĐ 96107 TS với số tiền 45.000.000 đồng là do bà ký. Ngày kết thúc hợp đồng là ngày 29/11/2021, bà đã trả toàn bộ số tiền của ông N đã bỏ ra là 285.000.000 đồng. Nhưng vì lúc đó tin tưởng nên bà đã không thu hồi Giấy mượn phần đã ký với ông N. Trong thời gian một năm thực hiện hợp đồng, bà cũng có trả tiền lợi nhuận từ hoạt động khai thác hải sản cho ông N, số tiền trả cho ông N là từ nguồn thu từ hai chiếc tàu cá như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, việc viết giấy tờ mượn phần cũng như việc trả tiền lời cho ông N là do bà tự thực hiện, chồng bà là ông B hoàn toàn không biết. Nay ông N yêu cầu hủy thỏa thuận góp vốn và trả số tiền 285.000.000 đồng. Bà đồng ý chấm dứt thỏa thỏa thuận góp vốn. Riêng số tiền thì bà đã trả xong nên không đồng ý trả.

Bị đơn ông Nguyễn B trình bày:

Ông B cho rằng việc hợp tác làm ăn là do vợ ông thực hiện, ông không biết và không ký vào Giấy mượn phần. Vì bản thân ông chỉ lo đánh bắt hải sản bằng hai chiếc tàu cá BĐ-98055-TS và BĐ 96107 TS của gia đình còn việc tiền bạc chi tiêu lợi nhuận như thế nào là do vợ ông là bà L quản lý chi tiêu, trả nợ. Do vậy, ông không có trách nhiệm trả cho ông Na số tiền như ông N yêu cầu.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 316/2022/LĐ-ST ngày 16/09/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ni N. Buộc vợ chồng ông Nguyễn B bà Phạm Thị L phải liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ni N số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông N, không yêu cầu trả lãi suất.

Hợp đồng góp vốn (giấy mượn phần bạn) giữa ông N và bà L hết hiệu lực.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 20/9/2022, vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N với lý do vợ chồng ông bà đã hoàn trả đủ tiền cho ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BĐ phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: Đối chiếu với các quy định của pháp luật dân sự thì thấy rằng, giao dịch giữa ông Nguyễn Ni N với vợ chồng ông Nguyễn B, bà Phạm Thị L là sự thỏa thuận về việc ông N đóng góp tiền để hưởng lợi trên mỗi chuyến đánh bắt thủy sản, trên 02 chiếc tàu cá của vợ chồng ông B và thỏa thuận này được lập thành văn bản, phù hợp với các quy định về hợp đồng hợp tác. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp về hợp đồng chung hùn" là chưa chính xác. Do đó, HĐXX phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp về hợp đồng hợp tác".

[2] Xét kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L, HĐXX thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ni N là có căn cứ, bởi lẽ:

[2.1] Vợ chồng ông B, bà L đã thừa nhận ông Na có hợp tác làm ăn với vợ chồng ông B, bà L thông qua việc ông Nguyễn Ni N đóng góp 285.000.000 đồng để hưởng lợi trên mỗi chuyến đánh bắt thủy sản, trên 02 chiếc tàu cá của vợ chồng ông B, bà L và bà L là người ký kết hợp đồng (Giấy mượn phần). Bà L cũng thống nhất chấm dứt hợp đồng vì thời hạn hợp tác đã hết theo thỏa thuận là vào ngày 29/11/2021, nhưng không đồng ý yêu cầu của ông N và nại rằng đã hoàn trả lại cho ông Na 285.000.000 đồng, nhưng vì tin tưởng nên không thu hồi lại Giấy mượn tiền. Tuy nhiên, lời nại của bà L không được ông N đồng ý và bà L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là đã hoàn trả số tiền trên cho ông N.

[2.2] Đối với ông B thì thời gian sau này thay đổi ý kiến cho rằng cho rằng bản thân không biết gì về việc hợp tác làm ăn giữa ông N với bà L. Tuy nhiên, trên thực tế khi việc đánh bắt hải sản từ 02 tàu cá của vợ chồng ông có lợi nhuận, thì ông B đều biết là ông N đều được chia phần, hưởng lợi từ lợi nhuận này. Điều đó khẳng định việc thực hiện hợp đồng hợp tác giữa hai bên là nhằm mục đích phục vụ chung cho hoạt động kinh tế của cả gia đình ông B bà L. Do đó, việc ông B nại rằng không biết việc ông N hợp tác làm ăn với vợ chồng ông và cũng không liên quan đến số tiền 285.000.000 đồng mà ông N đã bỏ ra là không có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L là không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 385, 422, 504, 505, 506, 507, 508, 510, 512 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 316/2022/LĐ-ST ngày 16/09/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh BĐ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ni N. Buộc vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L phải liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ni N số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

2. Hợp đồng hợp tác (Giấy mượn phần bạn) giữa ông Nguyễn Ni N và vợ chồng ông Nguyễn B, bà Phạm Thị L chấm dứt kể từ ngày 29/11/2021.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L phải chịu 14.250.000 đồng.

- Hoàn trả cho ông nguyễn Ni N 7.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0002072 ngày 18/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh BĐ.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0000109 ngày 29/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

4. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh BĐ;
- TAND TX. H;
- CCTHADS TX. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiệp **Lê văn Duy** **Võ Công Phương**